TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 1 – QUẢNG TRỊ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 74/2026/QĐST- DS	*Quảng Trị, ngày 27 tháng 7 năm 2026.*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ Luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1, khoản 3 Điều 12, khoản 7 Điều 26, khoản 3 Điều 33 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 17 tháng 7 năm 2026 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án tranh chấp dân sự thụ lý số: 56/2026/TLST - DS ngày 27 tháng 02 năm 2026.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

- ***Nguyên đơn:*** Ông Phạm Văn L, sinh ngày 06/10/1960; CCCD: 04406005652; địa chỉ: Số I N, xã H, tỉnh Quảng Trị.

- ***Bị đơn:*** Ông Phạm Văn T, sinh ngày 03/5/1955; CCCD: 044055003023; địa chỉ: Ngõ B đường L, tổ dân phố P, phường Đ, tỉnh Quảng Trị.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

** Những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất:*

+ Bà Phạm Thị Anh Đ; sinh ngày 25/12/1964; CCCD: 044164007216; địa chỉ: Số B V, phường Đ, tỉnh Quảng Trị.

+ Ông Phạm T6, sinh ngày 04/7/1958; CCCD: 044058000372 địa chỉ: Số H D, phường Đ, tỉnh Quảng Trị.

+ Bà Phạm Thị T1; sinh ngày 05/8/1954; CCCD: 044154000481; địa chỉ: Số B N, phường Đ, tỉnh Quảng Trị.

+ Bà Phạm Thị L1, sinh năm: 1959; địa chỉ: Phường Đ, tỉnh Quảng Trị. *(Là con đẻ của ông Phạm T5 và bà Nguyễn Thị Ở* (chết năm 2024).

Những người thừa kế thế vị phần di sản mà bà L1 được hưởng:

+ Anh Lại Minh Đ1, sinh ngày 19/01/1982; CCCD: 044082011049; địa chỉ: Số A L, phường Đ, tỉnh Quảng Trị.

+ Chị Lại Thị H, sinh ngày 21/4/1985; CCCD: 044185008964; địa chỉ: Số A L, phường Đ, tỉnh Quảng Trị.

+ Anh Lại Minh T2, sinh ngày 25/7/1994; CCCD: 044094008982; địa chỉ: Số A L, phường Đ, tỉnh Quảng Trị.

+ Bà Phạm Thị T3, sinh năm: 1952; địa chỉ: Phường Đ, tỉnh Quảng Trị. *(Là con đẻ của ông Phạm T5 và bà Nguyễn Thị Ở* (chết năm 2023).

Những người thừa kế thế vị phần di sản mà bà T3 được hưởng:

+ Ông Trần Văn Đ2, sinh ngày 20/10/1948 (chồng bà T3); CCCD: 044048000198; địa chỉ: Số A B, phường Đ, tỉnh Quảng Trị.

+ Chị Trần Thị Thu H1, sinh ngày 26/02/1981; CCCD: 044181006929; địa chỉ: Số A B, phường Đ, tỉnh Quảng Trị.

+ Anh Trần Thanh T4, sinh ngày 16/02/1976; CCCD: 044076000108; địa chỉ: số E tập thể Bệnh Viện N, xã N, thành phố Hà Nội.

+ Anh Trần Thế N, sinh ngày 30/11/1985; CCCD: 044085001213; địa chỉ: A /j D L, phường X , thành phố Hồ chí Minh.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. *Về hàng thừa kế:*

- Ông Phạm T5 (chết năm 2001) và bà Nguyễn Thị Ở (chết năm 2004); ông bà sinh được 07 người con gồm: Phạm Thị T3 (chết năm 2023); Phạm Thị T1, sinh năm: 1954; Phạm Văn T, sinh năm: 1955; Phạm T6, sinh năm: 1958; Phạm Thị L1 (chết năm 2023); Phạm Văn L, sinh năm 1960; Phạm Thị Anh Đ, sinh năm: 1964 ngoài ra không còn người con nào khác; không có con nuôi.

- Bà Phạm Thị T3 (chết năm 2023) nên những người thừa kế thế vị phần di sản bà T3 được hưởng (nhận di sản thừa kế chuyển tiếp) gồm: Ông Trần Văn Đ3 (chồng), các con: Trần Thanh T4, Trần Thị Thu H1, Trần Thế N.

- Bà Phạm Thị L1 (chết năm 2024) nên những người thừa kế thế vị phần di sản bà L1 được hưởng (nhận di sản thừa kế chuyển tiếp) gồm các con: Lại Minh Đ1, Lại Thị H, Lại Minh T2.

2.2. *Về di sản thừa kế:*

Các bên đương sự thống nhất, di sản thừa kế của ông Phạm T5 và bà Nguyễn Thị Ở để lại gồm: Quyền sử dụng đất và tài sản trên đất đối với thửa đất số 190, tờ bản đồ số 1 nay điều chỉnh thành tờ số 120 phường Đ theo đơn vị hành chính cấp xã mới, diện tích 446,6m^2 (trong đó có 200m^2 đất ở, 246,6m^2 đất trồng cây lâu năm) theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số A689032, số vào sổ cấp giây chứng

nhận QSDĐ số 03429 QSDĐ/54.QĐ/UB, do UBND thị xã Đ, tỉnh Quảng Bình cũ cấp ngày 27/5/1992 mang tên ông Phạm Văn T5.

2.3. *Phương thức chia di sản thừa kế:*

Các đồng thừa kế thống nhất thỏa thuận phân chia khối di sản thừa kế như sau:

- Giao cho ông Phạm Văn T và ông Phạm Văn T6 được quyền sử dụng diện tích đất 127,5m^2 (trong đó diện tích đất ở 57m^2, diện tích đất trông cây lâu năm 70,6m^2), có tổng giá trị là (57m^2 x 8.300.000 đồng/m^2 + 70,6m^2 x 4.150.000 đồng/m^2) = 473.100.000 đồng + 292.990.000 đồng = 766.090.000 đồng. Cụ thể các tứ cận: Phía Bắc giáp thửa đất số 50 có kích thước 21,5m (từ điểm 1-2); phía Nam giáp phần đất còn lại là số 02 (được thỏa thuận là di sản thừa kế cho bà Phạm Thị Đ, bà Phạm Thị T3 (chết năm 2023) nên những người thừa kế thế vị phần di sản bà T3 được hưởng (nhận di sản thừa kế chuyển tiếp) gồm: Ông Trần Văn Đ3 (chồng), các con: Trần Thanh T4, Trần Thị Thu H1, Trần Thế N và bà Phạm Thị L1 (chết năm 2024) nên những người thừa kế thế vị phần di sản bà L1 được hưởng (nhận di sản thừa kế chuyển tiếp) gồm các con: Lại Minh Đ1, Lại Thị H, Lại Minh T2 có kích thước 20,65m (từ điểm 3-4); phía Đông giáp đường bê tông có kích thước 6,12m (từ điểm 1-4); phía Tây giáp đường L có kích thước 6,10m (từ điểm 2-3). Đối với tài sản trên đất gồm nhà và các loại cây trồng trên phần đất số 03 ông T, ông T6 cam kết sẽ tháo dỡ để thực hiện việc tách thửa cho các đồng thừa kế theo quy định.

- Giao cho bà Phạm Thị Đ, bà Phạm Thị T3 (chết năm 2023) những người thừa kế thế vị phần di sản bà T3 được hưởng (nhận di sản thừa kế chuyển tiếp) gồm: Ông Trần Văn Đ3 (chồng), các con: Trần Thanh T4, Trần Thị Thu H1, Trần Thế N và bà Phạm Thị L1 (chết năm 2024) những người thừa kế thế vị phần di sản bà L1 được hưởng (nhận di sản thừa kế chuyển tiếp) gồm các con: Lại Minh Đ1, Lại Thị H, Lại Minh T2 được quyền sử dụng diện tích đất 191,4m^2 (trong đó diện tích đất ở 86m^2, diện tích đất trông cây lâu năm 105,4m^2), có tổng giá trị là 86m^2 x 8.300.000 đồng/m^2 + 105,4m^2 x 4.150.000 đồng/m^2) = 713.800.000 đồng + 437.410.000 đồng = 1.151.210.000 đồng. Cụ thể các tứ cận: Phía Bắc giáp phần đất còn lại số 03 (được thỏa thuận là phần di sản thừa kế cho ông Phạm Văn T, ông Phạm Văn T6) có kích thước 20,65m (từ điểm 3-4); phía Nam giáp phần đất còn lại số 01 (được thỏa thuận là di sản thừa kế cho bà Phạm Thị T1 và ông Phạm Văn L) có kích thước 20,10m (từ điểm 6-7); phía Đông giáp đường bê tông có kích thước 4,56m+4,9m (từ điểm 4-5 và 5-6); phía Tây giáp đường L có kích thước 9,47m (từ điểm 3-7). Đối với tài sản trên đất gồm nhà và các loại cây trồng trên phần đất số 02 bà Phạm Thị Đ, bà Phạm Thị T3 (chết năm 2023) những người thừa kế thế vị phần di sản bà T3 được hưởng (nhận di sản thừa kế chuyển tiếp) gồm: Ông Trần Văn Đ3 (chồng), các con: Trần Thanh T4, Trần Thị Thu H1, Trần Thế N và bà Phạm Thị L1 (chết năm 2024) những người thừa kế thế vị phần di sản bà L1 được hưởng (nhận di sản thừa kế chuyển tiếp) gồm các con: Lại Minh Đ1,

Lại Thị H, Lại Minh T2 cam kết sẽ tháo dỡ để thực hiện việc tách thửa cho các đồng thừa kế theo quy định.

- Giao cho ông Phạm Văn L và bà Phạm Thị T1 được quyền sử dụng diện tích đất 127,5m^2 (trong đó diện tích đất ở 57m^2, diện tích đất trồng cây lâu năm 70,6m^2), có tổng giá trị là (57m^2 x 8.300.000 đồng/m^2 + 70,6m^2 x 4.150.000 đồng/m^2) = 473.100.000 đồng + 292.990.000 đồng = 766.090.000 đồng. Cụ thể các tứ cận: Phía Bắc giáp giáp phần đất còn lại là số 02 (được thỏa thuận là di sản thừa kế cho bà Phạm Thị Đ, bà Phạm Thị T3 (chết năm 2023) những người thừa kế thế vị phần di sản bà T3 được hưởng (nhận di sản thừa kế chuyển tiếp) gồm: Ông Trần Văn Đ3 (chồng), các con: Trần Thanh T4, Trần Thị Thu H1, Trần Thế N và bà Phạm Thị L1 (chết năm 2024) những người thừa kế thế vị phần di sản bà L1 được hưởng (nhận di sản thừa kế chuyển tiếp) gồm các con: Lại Minh Đ1, Lại Thị H, Lại Minh T2) có kích thước 20,10m (từ điểm 6-7); phía Nam giáp đường bê tông có kích thước 18,22m+1,46m (từ điểm 8-9 và 9-10); phía Đông giáp đường bê tông có kích thước 5,43m (từ điểm 6-10); phía Tây giáp đường L có kích thước 6,76m (từ điểm 7-8). Đối với tài sản trên đất gồm nhà và các loại cây trồng trên phần đất số 01 ông L và bà T1 cam kết sẽ tháo dỡ để thực hiện việc tách thửa cho các đồng thừa kế theo quy định.

Việc thỏa thuận chia di sản thừa kế và xác định phần quyền sử dụng đất, có sơ đồ kèm theo.

Các đương đương sự có quyền liên hệ với cơ quan có thẩm quyền để tiến hành thủ tục đăng ký kê khai, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tương ứng với phần diện tích đất được giao theo nội dung của quyết định này.

2.4. *Về chi phí tố tụng:* Căn cứ khoản 2 Điều 157 Bộ luật Tố tụng dân sự: Nguyên đơn ông Phạm Văn L tự nguyện chịu 4.100.000 đồng đã nộp đủ và chi phí xong.

2.5. *Về án phí:*

- Ông Phạm Văn T, Phạm Văn T6, Phạm Văn L, bà Phạm Thị T1, bà Phạm Thị Đ và ông Trần Văn Đ2 (chồng bà T3 – nhận di sản thừa kế chuyển tiếp) là đối tượng người cao tuổi, các ông, bà đã có đơn xin miễn án phí, nên miễn tiền án phí cho ông T, ông T6, ông L, bà T1, bà Đ và ông Đ3.

- Các đồng thừa kế của bà Phạm Thị T3 (chết năm 2023) những người thừa kế thế vị phần di sản bà T3 được hưởng (nhận di sản thừa kế chuyển tiếp) gồm các con: Trần Thanh T4, Trần Thị Thu H1, Trần Thế N; các đồng thừa kế của bà Phạm Thị L1 (chết năm 2024) những người thừa kế thế vị phần di sản bà L1 được hưởng (nhận di sản thừa kế chuyển tiếp) gồm các con: Lại Minh Đ1, Lại Thị H, Lại Minh T2 phải chịu nộp án phí dân sự sơ thẩm có có giá ngạch phần di sản mình được hưởng theo quy định để sung quỹ nhà nước; cụ thể: Anh Trần Thanh T4 phải chịu nộp 2.398.354 đồng; chị Trần Thị Thu H1 phải chịu nộp 2.398.354 đồng; anh Trần Thế N phải chịu nộp 2.398.354 đồng. Anh Lại Minh Đ1 phải chịu

nộp 3.197.805 đồng; chị Lại Thị H phải chịu nộp 3.197.805 đồng; anh Lại Minh T2 phải chịu nộp 3.197.805 đồng

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Quảng Trị;
- VKSND KV1-Quảng Trị;
- Phòng THADS KV1-QT;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Nguyễn Thị Tuyết Minh